



Số ĐK:
Số Lô SX:
NSX:
HD:

ABIPHA - CNC
TRUNG TÂM ĐƯỢC PHÂN BỐ

Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHÂN BỐ CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA
Địa chỉ: Lô 02 Khu công nghiệp Phú Nghĩa,
Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam.



Bomaxte
0,8mg/ml

Siro uống

Bomaxte
0,8mg/ml

Siro uống

Bomaxte
0,8mg/ml

Bromhexin HCl 0,8mg/ml

Hộp 10 ống x 5ml

Thành phần:
Mỗi 5ml siro uống chứa:
Bromhexin hydroclorid:
..... 4mg
Tã được vừa đủ.....5ml
Chỉ định, Cách dùng, liều dùng, Chống chỉ định và các thông tin khác: Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản:
Nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp

Tiêu chuẩn: TCCS.
Đeo xa tầm tay trẻ em; Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Hộp 10 ống x 5ml

Siro uống
Bomaxte 0,8mg/ml
5ml

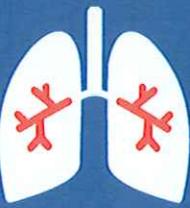


Số ĐK:
Số Lô SX:
NSX:
HD:

ABIPHA .CNC
TRUNG TÂM THUỐC VÀ CÔNG NGHỆ CAO

Sở xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHÂN CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA
Địa chỉ: Lô số CNC Khu công nghiệp Phú Nghĩa,
Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam.



<p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Siro uống</p> <p>Bromhexin HCl 0,8mg/ml</p>  <p>Hộp 20 ống x 5ml</p>	<p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Thành phần: Mỗi 5ml siro uống chứa: Bromhexin hydroclorid: 4mg Tá dược vừa đủ..... 5ml Chỉ định, Cách dùng, liều dùng, Chống chỉ định và các thông tin khác: Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.</p> <p>Bảo quản: Nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp</p> <p>Tiêu chuẩn: TCCS. Đề xa tầm tay trẻ em; Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.</p>	<p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Siro uống</p> <p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Bromhexin HCl 0,8mg/ml</p>  <p>Hộp 20 ống x 5ml</p>
--	--	---



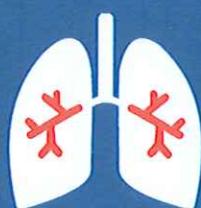


Số ĐK:
Số Lô SX:
NSK:
HD:



Sở xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA
Địa chỉ: Lô đất CN2 Khu công nghiệp Phú Nghĩa,
Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam.



<p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Siro uống</p> <p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Bromhexin HCl 0,8mg/ml</p>  <p>Hộp 30 ống x 5ml</p>	<p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Thành phần: Mỗi 5ml siro uống chứa: Bromhexin hydroclorid: 4mg Tá được vừa đủ..... 5ml Chỉ định, Cách dùng, liều dùng, Chống chỉ định và các thông tin khác: Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.</p> <p>Bảo quản: Nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp</p> <p>Tiêu chuẩn: TCCS. Đề xa tầm tay trẻ em; Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.</p>	<p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Siro uống</p> <p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Bromhexin HCl 0,8mg/ml</p>  <p>Hộp 30 ống x 5ml</p>
---	--	---





Số ĐK:
Số Lô SX:
NSX:
HĐ:



Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA
Địa chỉ: LÁ GIỜ CỎ 2 Khu công nghiệp Phú Nghĩa,
Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam.



Hộp 50 ống x 5ml

Bomaxte

0,8mg/ml

Bromhexin HCl 0,8mg/ml



Siro
uống

Bomaxte

0,8mg/ml

Thành phần:
Mỗi 5ml siro uống chứa:
Bromhexin hydroclorid:
..... 4mg
Tá dược vừa đủ..... 5ml
**Chỉ định, Cách dùng,
liều dùng, Chống chỉ
định và các thông tin
khác: Xin đọc trong tờ
hướng dẫn sử dụng.**

Bảo quản:
Nơi khô, dưới 30°C, tránh
ánh sáng trực tiếp

Tiêu chuẩn: TCCS.
Đề xa tầm tay trẻ em; Đọc
kỹ hướng dẫn sử dụng
trước khi dùng.

Hộp 50 ống x 5ml

Bomaxte

0,8mg/ml

Bromhexin HCl 0,8mg/ml



Siro
uống

Bomaxte

0,8mg/ml

Siro uống
Bomaxte 0,8mg/ml
5ml



Bomaxte 0,8mg/ml
Siro uống

Bomaxte 0,8mg/ml
Bromhexin HCl 0,8mg/ml

Bomaxte 0,8mg/ml
Siro uống

Bomaxte 0,8mg/ml
Bromhexin HCl 0,8mg/ml

Thành phần:
Mỗi 5ml siro uống chứa:
Bromhexin hydroclorid: 4mg
Tá dược vừa đủ 5ml
Chỉ định, Cách dùng, liều dùng, Chống chỉ định và các thông tin khác: Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản: 0°C, tránh ánh sáng trực tiếp

Tiêu chuẩn: TCCS.
Đề xa tầm tay trẻ em; Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Hộp 1 lọ x 60ml

Hộp 1 lọ x 60ml

Số DK:
Số Lô SX:
NSX:
HD:

ABIPHA .CNC
Siro uống tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA
Địa chỉ: Lô D12 CN2 Khu công nghệ Phú Nghĩa,
Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam.

Bomaxte 0,8mg/ml
Siro uống

Bomaxte 0,8mg/ml
Bromhexin HCl 0,8mg/ml

Thành phần:
Mỗi 5ml siro uống chứa:
Bromhexin hydroclorid: 4mg
Tá dược vừa đủ 5ml
Chỉ định, Cách dùng, liều dùng, Chống chỉ định và các thông tin khác: Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản: Nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp

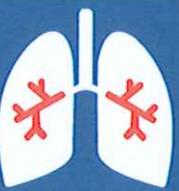
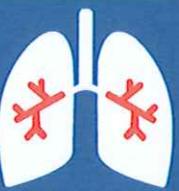
Tiêu chuẩn: TCCS.
Đề xa tầm tay trẻ em; Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Lọ 60ml

Số DK:
Số Lô SX:
NSX:
HD:

ABIPHA .CNC
Siro uống tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA
Địa chỉ: Lô D12 CN2 Khu công nghệ Phú Nghĩa,
Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam.



<p>Số ĐK: Số LQ SX: NSK: HD:</p> <p>ABIPHA .CNC <small>TRUNG TÂM DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO</small></p> <p>Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA Đường Lê Đức Thọ, Công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <div style="border: 1px solid black; width: 60px; height: 30px; margin: 0 auto;"></div>	<p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Siro uống</p> <p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Bromhexin HCl 0,8mg/ml</p>  <p>Hộp 1 lọ x 125ml</p>	<p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Siro uống</p> <p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Bromhexin HCl 0,8mg/ml</p>  <p>Hộp 1 lọ x 125ml</p>
	<p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Siro uống</p> <p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Bromhexin HCl 0,8mg/ml</p>  <p>Hộp 1 lọ x 125ml</p>	<p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Siro uống</p> <p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Bromhexin HCl 0,8mg/ml</p>  <p>Hộp 1 lọ x 125ml</p>

<p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Siro uống</p> <p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Bromhexin HCl 0,8mg/ml</p>  <p>Lọ 125ml</p>	<p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Siro uống</p> <p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Bromhexin HCl 0,8mg/ml</p>  <p>Lọ 125ml</p>
<p>Số ĐK: Số LQ SX: NSK: HD:</p> <p>ABIPHA .CNC <small>TRUNG TÂM DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO</small></p> <p>Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA Đường Lê Đức Thọ, Công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <div style="border: 1px solid black; width: 60px; height: 30px; margin: 0 auto;"></div>	<p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Siro uống</p> <p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Bromhexin hydrochlorid: 4mg Tá dược vừa đủ..... 5ml Chỉ định, Cách dùng, liều dùng, Chống chỉ định và các thông tin khác: Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.</p> <p>Bảo quản: Nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp</p> <p>Tiêu chuẩn: TCCS. Đề xa tầm tay trẻ em; Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.</p>



<p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Số ĐK: Số Lô SX: NSX: HD:</p> <p>ABIPHA - CNC <small>Đơn vị phân phối và sản xuất thuốc</small></p> <p>Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA Địa chỉ: Lô 01, CVT Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>Hộp 1 lọ x 150ml</p>	<p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Siro uống</p> <p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Bromhexin HCl 0,8mg/ml</p> <p>Hộp 1 lọ x 150ml</p>	<p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Siro uống</p> <p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Bromhexin HCl 0,8mg/ml</p> <p>Hộp 1 lọ x 150ml</p>
--	--	--

<p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Số ĐK: Số Lô SX: NSX: HD:</p> <p>ABIPHA - CNC <small>Đơn vị phân phối và sản xuất thuốc</small></p> <p>Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA Địa chỉ: Lô 01, CVT Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>Lọ 150ml</p>	<p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Siro uống</p> <p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Bromhexin HCl 0,8mg/ml</p> <p>Lọ 150ml</p>	<p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Siro uống</p> <p>Bomaxte 0,8mg/ml</p> <p>Bromhexin HCl 0,8mg/ml</p> <p>Lọ 150ml</p>
--	--	--



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

1. Tên thuốc: Siro BOMAXTE 0,8mg/ml

2. Các dấu hiệu lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc:

ĐỂ XA TÀM TAY CỦA TRẺ EM

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

3. Thành phần công thức thuốc

Mỗi 5ml dung dịch uống chứa:

Bromhexin hydroclorid 4,0 mg

Tá dược: Glycerin, sorbitol 70%, đường trắng, natri benzoat, acid tartaric, acesulfam K, NaCMC, hương dâu, ponceau 4R, nước tinh khiết.....vừa đủ.....5 ml.

4. Dạng bào chế:

Dung dịch trong, màu đỏ, vị ngọt, hương dâu.

5. Chỉ định:

Làm loãng đờm trong các bệnh phế quản phổi cấp và mạn tính có kèm theo sự tiết chất nhày bất thường và sự vận chuyển chất nhày bị suy yếu.

6. Cách dùng, liều dùng:

Người lớn và trẻ trên 12 tuổi: 10 mL (8 mg) x 3 lần mỗi ngày.

Trẻ 6 - 12 tuổi: 5 mL (4 mg) x 3 lần mỗi ngày.

Trẻ 2 - 6 tuổi: 2,5 mL (2 mg) x 3 lần mỗi ngày.

Trẻ dưới 2 tuổi: 1,25 mL (1 mg) 3 lần mỗi ngày.

Khi bắt đầu điều trị có thể cần thiết phải tăng tổng liều mỗi ngày đến 48 mg (20 mL x 3 lần mỗi ngày) ở người lớn và trẻ trên 12 tuổi.

Cần thông báo trước cho bệnh nhân được điều trị bằng BOMAXTE 0,8mg/ml về khả năng gia tăng lượng chất tiết.

Trong chỉ định cho bệnh hô hấp cấp tính, dựa vào từng bệnh nhân để quyết định việc hỏi ý kiến bác sỹ, tùy thuộc vào triệu chứng có cải thiện hay xấu đi trong thời gian điều trị.

Thời gian điều trị BOMAXTE 0,8mg/ml không quá 8-10 ngày mà không hỏi ý kiến bác sỹ.

7. Chống chỉ định:

Mẫn cảm với bromhexin hoặc với bất kì thành phần nào trong thuốc.

Chống chỉ định sử dụng thuốc trong trường hợp bệnh nhân mắc bệnh lý di truyền hiếm gặp mà có thể không tương thích với tá dược nào của thuốc (xem phần “Cảnh báo và thận trọng”).

8. Cảnh báo và thận trọng:

- Có rất ít báo cáo tổn thương da nghiêm trọng như hội chứng Stevens-Johnson và hoại tử biểu bì nhiễm độc (toxic epidermal necrolysis -TEN) tạm thời liên quan đến việc sử dụng thuốc long đờm như bromhexin. Hầu hết các trường hợp được lý giải là do bệnh lý mà bệnh nhân đang mắc phải và/hoặc thuốc dùng cùng. Hơn nữa trong giai đoạn sớm của hội chứng Stevens-Johnson hoặc TEN, trước tiên bệnh nhân có triệu chứng giống cúm không đặc hiệu như: sốt, đau nhức người, viêm mũi, ho và đau họng. Do bị lầm bởi các triệu chứng giống cúm không đặc hiệu này mà người ta có thể bắt đầu điều trị triệu chứng bằng thuốc ho và cảm. Do đó, nếu xuất hiện một vài tổn thương mới trên da hoặc niêm mạc thì nên đi khám bác sỹ ngay và ngừng điều trị bằng bromhexin.

- Không nên sử dụng thuốc ở những bệnh nhân mắc bệnh di truyền hiếm gặp bất dung nạp với fructose. Thuốc có thể có tác động nhuận tràng nhẹ.
- Nên thận trọng khi sử dụng đồng thời BOMAXTE 0,8mg/ml và các thuốc ức chế ho để tránh tích tụ các chất tiết do sự suy giảm phản xạ ho và kết hợp này chỉ nên sử dụng sau khi đánh giá lợi ích-nguy cơ.
- Bromhexin, do tác dụng làm tiêu dịch nhầy, nên có thể gây huỷ hoại hàng rào niêm mạc dạ dày; vì vậy, khi dùng cho người bệnh có tiền sử loét dạ dày phải rất thận trọng.
- Sử dụng thận trọng ở những bệnh nhân hen vì bromhexin có thể gây co thắt phế quản ở một số người mẫn cảm.
- Sự thanh thải bromhexin và các chất chuyển hóa có thể bị giảm ở người bệnh bị suy gan hoặc suy thận nặng, nên cần phải thận trọng và theo dõi.
- Ở những bệnh nhân suy thận nặng, tích lũy các chất chuyển hoá của bromhexin hình thành tại gan có thể xảy ra.
- Cần thận trọng khi dùng bromhexin cho người cao tuổi, suy nhược hoặc quá yếu, trẻ em, đặc biệt là trẻ em dưới 2 tuổi, vì không có khả năng khạc đờm hiệu quả do đó càng làm tăng ứ đờm.

9. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Thời kỳ mang thai:

Dữ liệu sử dụng bromhexin cho phụ nữ mang thai còn giới hạn.

Những nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng gây hại trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến độc tính sinh sản.

Nên thận trọng bằng cách tránh sử dụng BOMAXTE 0,8mg/ml trong thời kỳ mang thai.

Thời kỳ cho con bú:

Chưa rõ liệu bromhexin/các chất chuyển hóa có được tiết vào sữa mẹ hay không.

Dữ liệu có sẵn về được lực học/độc tính trên động vật cho thấy có sự bài tiết của bromhexin/các chất chuyển hóa vào sữa con mẹ.

Không thể loại trừ nguy cơ đối với trẻ bú mẹ.

Không nên dùng BOMAXTE 0,8mg/ml trong thời gian cho con bú.

Khả năng sinh sản:

Chưa tiến hành nghiên cứu ảnh hưởng của BOMAXTE 0,8mg/ml đến khả năng sinh sản ở người.

Dựa trên kinh nghiệm tiền lâm sàng, không có dấu hiệu cho thấy bromhexin có thể tác động đến khả năng sinh sản.

10. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc:

Hiện vẫn chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

11. Tương tác, tương kỵ của thuốc

Tương tác thuốc:

Không phối hợp với thuốc làm giảm tiết dịch (giảm cả dịch tiết khí phế quản) như các thuốc kiểu atropine (hoặc anticholinergic) vì làm giảm tác dụng của bromhexin.

Không phối hợp với các thuốc chống ho.

Dùng phối hợp bromhexin với kháng sinh (amoxicilin, cefuroxim, erythromycin, doxycyclin) làm tăng nồng độ kháng sinh vào mô phổi và phế quản. Như vậy, bromhexin có thể có tác



dụng như một thuốc hỗ trợ trong điều trị nhiễm khuẩn hô hấp, làm tăng tác dụng của kháng sinh.

Tương kỵ:

Dung dịch bromhexin hydroclorid ổn định ở pH < 6. Nếu pH > 6, thuốc bị kết tủa do giải phóng ra bromhexin dạng base. Vì vậy, không được trộn với các dung dịch kiềm, kể cả các dung dịch có pH trung tính.

Không được trộn bromhexin hydroclorid dạng dung dịch uống với các thuốc khác, do nguy cơ tương kỵ về hóa lý.

12. Tác dụng không mong muốn (ADR):

Rối loạn hệ thống miễn dịch:

Hiếm (1/10.000 < ADR < 1/1.000): phản ứng quá mẫn.

Tần số chưa biết: phản ứng phản vệ, bao gồm sốc phản vệ, phù mạch và ngứa.

Rối loạn da và mô dưới da:

Hiếm (1/10.000 < ADR < 1/1.000): phát ban.

Tần số chưa biết: phù mạch, mày đay, ngứa.

Rối loạn tiêu hóa:

Không phổ biến (1/1.000 < ADR < 1/100): Buồn nôn, nôn, tiêu chảy và đau bụng trên bao gồm cả đau dạ dày.

Rối loạn hô hấp, lồng ngực và trung thất.

Tần số chưa biết: Co thắt phế quản. Nguy cơ tăng tác nghẽn phế quản ở một số bệnh nhân không có khả năng khạc đờm hiệu quả.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc

13. Quá liều và cách xử trí:

Cho đến nay, chưa thấy có báo cáo về quá liều do bromhexin. Nếu xảy ra trường hợp quá liều, cần điều trị triệu chứng và hỗ trợ.

14. Các đặc tính dược lực học:

Mã ATC: R05CB02.

Loại thuốc: Thuốc long đờm

Bromhexin hydroclorid là chất có tác dụng long đờm. Do hoạt hóa tổng hợp sialomucin và phá vỡ các sợi acid mucopolysaccharid nên thuốc làm đờm lỏng hơn và ít quánh hơn. Giúp đờm từ phế quản thoát ra ngoài có hiệu quả. Khi uống, thường phải sau 2 - 3 ngày mới có tác dụng trên lâm sàng. Bromhexin đã được uống liều 16 mg/lần, 3 lần/ngày hoặc dùng tại chỗ để điều trị hội chứng mắt khô kèm sản xuất dịch nhày bất thường (hội chứng Sjögren's), nhưng kết quả không ổn định, chưa rõ, nên tác dụng này ít được áp dụng.

15. Các đặc tính dược động học:

Hấp thu: Bromhexin hydroclorid hấp thu nhanh qua đường tiêu hóa và bị chuyển hóa bước đầu ở gan rất mạnh, nên sinh khả dụng khi uống chỉ đạt khoảng 20%. Thức ăn làm tăng sinh khả dụng của bromhexin hydroclorid. Nồng độ đỉnh trong huyết tương đạt được sau khi uống, từ 1/2 giờ đến 1 giờ.

Phân bố: Bromhexin hydroclorid phân bố rất rộng rãi vào các mô của cơ thể. Thuốc liên kết rất mạnh (95 - 99%) với protein huyết tương. Bromhexin qua được hàng rào máu não và một lượng nhỏ qua được nhau thai.



Chuyển hóa: Bromhexin chuyển hóa chủ yếu ở gan. Đã phát hiện được ít nhất 10 chất chuyển hóa trong huyết tương, trong đó, có chất Ambrosol là chất chuyển hóa vẫn còn hoạt tính.

Thải trừ: Nửa đời thải trừ của thuốc ở pha cuối là 13 - 40 giờ tùy theo từng cá thể. Khoảng 85 - 90% liều dùng được thải trừ qua nước tiểu, chủ yếu là dưới dạng các chất chuyển hoá, ở dạng liên hợp sulfo hoặc glucuro và một lượng nhỏ được thải trừ nguyên dạng. Bromhexin được thải trừ rất ít qua phân, chỉ khoảng dưới 4%.

16. Quy cách đóng gói:

Hộp 10 ống, 20 ống, 30 ống, 50 ống x 5ml;

Hộp 1 lọ x 60ml, 125ml, 150ml.

17. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng:

- Điều kiện bảo quản: Nơi khô, dưới 30⁰C, tránh ánh sáng trực tiếp.

- Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất. Không dùng quá thời hạn in trên bao bì.

Sau khi mở nắp lọ thuốc, nên sử dụng trong vòng không quá 1 tháng kể từ ngày mở nắp.

- Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS.

18. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc:

Sản xuất tại: Công ty Cổ phần Dược phẩm Công nghệ cao Abipha

Địa chỉ: Lô đất CN-2, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

